

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST

Ngày: 16-9-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Thu An

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chiêu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 14/2024/TLST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2024/QĐST-HPT ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH V; Trụ sở: số H V, đường số A, khu công nghiệp V - S, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Đại diện theo pháp luật: ông Lian G – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: Số C, đường V, khu phố B, khu đô thị M, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và Chị Trần Thị L1, sinh năm 2001; Địa chỉ cư trú: Số H, VISIPII –A, đường số A, khu công nghiệp V - S, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 28/5/2024) (Anh L có mặt, chị L1 vắng mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH MTV S (viết tắt là công ty S1); Trụ sở: Lô A, khu công nghiệp C, khu phố B, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Đại diện theo pháp luật: Abby Rafieha – Tổng giám đốc (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/5/2024, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH V – anh Nguyễn Tấn L trình bày:

Ngày 03/05/2023, Công ty TNHH V và Công ty TNHH MTV S có giao kết hợp đồng nguyên tắc số 0305-2023/SHF- VD. Hợp đồng có nội dung, Công ty TNHH V sẽ cung ứng thùng carton, bìa carton cứng các loại cho Công ty S1 theo đúng tên hàng, quy cách, số lượng, tiêu chuẩn hàng hóa được thể hiện cụ thể trên thùng báo giá, đơn đặt hàng và phụ lục hợp đồng do Công ty S1 yêu cầu. Cùng với đó, phía Công ty S1 có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán, hoàn thành chốt công nợ giữa hai bên. Ngày 09/05/2023, Công ty TNHH V giao đợt hàng đầu tiên cho Công ty S1 và sau đó thêm nhiều lần tiếp tục giao hàng cho Công ty SHF với tổng số tiền hàng là 453.300.833 đồng, sau khi giao hàng xong ty SHF đã nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán từ công ty TNHH V nhưng Công ty S1 không thanh toán tiền hàng mặc dù phía công ty V đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu. Ngày 21/08/2023, Công ty S1 có tiến hành thanh toán số tiền 50.000.000 đồng và từ đó cho đến nay, công ty S1 không thanh toán thêm số tiền nào. Như vậy, Công ty SHF đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều IV của Hợp đồng nguyên tắc được ký kết ngày 03/05/2023 về nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của nguyên đơn. Vì vậy, Công ty TNHH V khởi kiện Công ty S1 yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành giải quyết buộc Công ty S1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ là 403.300.833 đồng và yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 38.790.069 đồng. Tổng cộng là: 442.090.902 đồng.

Đối với bị đơn Công ty TNHH MTV S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia làm việc và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không thể ghi nhận ý kiến của công ty TNHH MTV S1

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gửi bản chiết tính lãi chậm thanh toán và thay đổi yêu cầu về số tiền lãi chậm thanh toán do ngày 21/08/2023, Công ty S1 có tiến hành thanh toán số tiền 50.000.000 đồng. Cụ thể số tiền lãi chậm thanh toán yêu cầu là: 34.886.434 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại điều 71, điều 234 BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 24, 34, 306 của Luật Thương mại; các Điều 357, 401, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V, buộc Công ty S phải trả cho Công ty TNHH V1 Doanh số tiền nợ gốc và nợ lãi là 438.187.267 đồng (trong đó gốc là 403.300.833 đồng và tiền lãi là 34.886.434 đồng. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn - Công ty TNHH V, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quy định tại 24 Luật kinh doanh thương mại.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận và bị đơn công ty S1 có địa chỉ tại Khu công nghiệp C, phường T, thị xã C, Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn Công ty S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình thức gửi văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đại diện hợp pháp của Công ty S1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc:

[2.1.1] Ngày 03/05/2023, Công ty TNHH V và Công ty TNHH MTV S có giao kết hợp đồng nguyên tắc số 0305-2023/SHF- VD. theo đó thì Công ty TNHH V sẽ cung ứng thùng carton, bìa carton cứng các loại cho Công ty S1 theo đúng tên hàng, quy cách, số lượng, tiêu chuẩn hàng hóa được thể hiện cụ thể trên thùng báo giá, đơn đặt hàng và phụ lục hợp đồng do Công ty S1 yêu cầu. Việc giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật thương mại nên Hợp đồng nguyên tắc số 0305-2023/SHF- VD ngày 03/5/2023 có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[2.1.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH V đã giao số lượng hàng hóa là thùng carton, bìa carton các loại có tổng giá trị là 453.300.833 đồng (đã bao gồm VAT) cho phía công ty S1 và cũng đã xuất 03 hóa đơn giá trị gia tăng có giá trị tương ứng theo quy định là phù hợp với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ thể hiện ở các hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty TNHH V đã xuất cho công ty S1 và đã được Công ty S1 thực hiện kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng theo kết quả thu thập chứng cứ của Cục thuế tỉnh B tại công văn số 592/CTBPH-TTKT2 ngày 01/7/2024 đã thể hiện: công ty S1 đã kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với 03 Hóa đơn mua hàng hóa của công ty TNHH V bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng số 225, xuất ngày 26/5/2023, hóa đơn giá trị gia tăng số 291, xuất ngày 28/6/2023, hóa đơn giá trị gia tăng số 200, xuất ngày 10/5/2023. Như vậy, Công ty TNHH V đã giao số lượng hàng hóa với tổng giá trị là 453.300.833 đồng (đã bao gồm VAT) cho phía công ty S1 là sự thật.

[2.1.3] Theo thỏa thuận tại Điều IV của hợp đồng có nội dung "*Thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán*", trong khi đó hồ sơ thanh toán thể hiện phía công ty S1 đã nhận được thông qua việc công ty S1 đã nộp hồ sơ đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước trên ứng dụng Thuế điện tử ngày 01/5/2023 đến ngày 30/6/2023 theo nội dung xác minh tại Cục thuế tỉnh B. Tuy nhiên, phía công ty S1 chỉ mới thanh toán được số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 21/08/2023, số tiền nợ còn lại cho đến nay thì vẫn chưa thanh toán. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn công ty S1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện đã thanh toán nợ xong cho Công ty TNHH V. Như vậy, thể hiện phía công ty S1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng giữa các bên và theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại. Do đó, Công ty TNHH V khởi kiện yêu cầu công ty S1 thanh toán số tiền nợ gốc 403.300.833 đồng còn lại chưa thanh toán là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền lãi:

Hợp đồng nguyên tắc số 0305-2023/SHF- VD ngày 03/5/2023 giữa hai bên không có thỏa thuận về tiền lãi chậm thanh toán. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Do đó, công ty TNHH V2 yêu cầu Công ty S1 phải trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là có căn cứ được chấp nhận.

Về mức lãi, qua xác minh lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N, Ngân hàng thương mại cổ phần S2, Ngân hàng N1 cho thấy mức lãi suất mà Công ty TNHH V yêu cầu thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là 13,3%/năm, tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi 10%/năm và thời gian tính lãi tính đến ngày làm đơn 27/5/2024 như vậy là

có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định Điều 306 của Luật thương mại nên có cơ sở được chấp nhận.

Về thời gian chậm thanh toán: Căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty TNHH V xuất cho công ty S1 xác định thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán như sau:

- Hóa đơn xuất ngày 10/5/2023, đến ngày 10/7/2023 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Thời gian vi phạm tính đến ngày 27/5/2024 là 10 tháng 17 ngày, số tiền lãi được tính là: $199.527.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 10 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 17.567.535 \text{ đồng}$

- Hóa đơn xuất ngày 26/5/2023, đến ngày 26/7/2023 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Thời gian vi phạm tính đến ngày 27/5/2024 là 10 tháng 1 ngày, số tiền lãi được tính là: $202.335.535 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 10 \text{ tháng } 1 \text{ ngày} = 16.911.494 \text{ đồng}$

- Hóa đơn xuất ngày 28/6/2023, đến ngày 28/8/2023 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, do ngày 21/8/2023 công ty S1 đã thanh toán số tiền 50.000.000 đồng. Nên số tiền trả chậm chỉ còn lại là 1.437.398 đồng. Thời gian vi phạm tính đến ngày 27/5/2024 là 8 tháng 29 ngày, số tiền lãi được tính là: $1.437.398 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 8 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 107.405 \text{ đồng}$

Tổng cộng, số tiền lãi được tính là: 34.886.434 đồng. Do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận.

[2.3]. Từ những nhận định nêu tại mục [2.1] và mục [2.2], thì yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V được chấp nhận, buộc Công ty S1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH V tổng số tiền: 438.187.267 đồng (bao gồm nợ gốc là 403.300.833 đồng + nợ lãi chậm thanh toán là 34.886.434 đồng)

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V được chấp nhận không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.480.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004272 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chợ Thành, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn Công ty S1 phải chịu án theo mức án phí theo mức án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn chấp nhận với mức án phí là: $20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 38.187.267 \text{ đồng}) = 21.527.500 \text{ đồng}$.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 244, 266, 267, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015 Căn cứ các Điều 24, 50, 55 và Điều 306 của Luật thương mại Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V đối với bị đơn Công ty TNHH MTV S về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc Công ty TNHH MTV S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH V 1 Doanh số tiền 438.187.267 đồng (bao gồm nợ gốc là 403.300.833 đồng + nợ lãi chậm thanh toán là 34.886.434 đồng)

Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty TNHH V được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.480.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004272 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn Công ty TNHH MTV S phải chịu án phí là 21.527.500 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà